

*TP. Trà Vinh, ngày 26 tháng 12 năm 2024*

Số: 204/2024/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 328/2024/TLST- HNGĐ ngày 18/12/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Thiên N**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: ấp M, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1990

Nơi cư trú: số A khóm B, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Thiên N và bà Nguyễn Thị Ngọc T.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Lê Thiên N và bà Nguyễn Thị Ngọc T thống nhất thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Ông Lê Thiên N và bà Nguyễn Thị Ngọc T thống nhất thoả thuận: ông N đồng ý giao 02 con chung Lê Thiên U, sinh ngày 19/8/2013 và Lê Thiên N1, sinh ngày 03/02/2016 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng cũng như theo nguyện vọng của con Lê Thiên U và Lê Thiên N1 yêu cầu được sống chung với bà T. Ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con Lê Thiên U và Lê Thiên N1 là

5.000.000 đồng/tháng/mỗi con chung (hai con chung là 10.000.000 đồng/tháng) đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Thảo U và ông Nguyễn Hoàng H thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Thiên N và bà Nguyễn Thị Ngọc T thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm 150.000 đồng. Ông Lê Thiên N chịu 75.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc T chịu 75.000 đồng. Nhưng ông N tự nguyện nộp thay tiền án phí cho bà T. Ngoài ra, ông N còn phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng. Như vậy tổng số tiền án phí mà ông N phải chịu là 300.000 đồng. Nhưng ông N được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001125 ngày 18/12/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Ông N không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP.Trà Vinh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**  
**(Đã ký)**

**Huỳnh Kim Triều**

